

Số: 34/2021/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;*

*Xét Tờ trình số 5757/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng: Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Quy định khoản thu và mức thu tối đa mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục gồm:

1. Quy định mức thu tối đa một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (*chi tiết tại phụ lục I kèm theo*).

2. Một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận (*chi tiết tại phụ lục II kèm theo*).

**Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các khoản thu và mức thu dựa trên nguyên tắc tự nguyện và dân chủ, có sự thống nhất của cha mẹ học sinh, vì quyền lợi của học sinh; đảm bảo mức thu cụ thể thống nhất tại các cơ sở giáo dục trên cùng một địa bàn, cùng cấp học và tổ chức thực hiện đồng bộ ngay từ đầu năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2021. /.

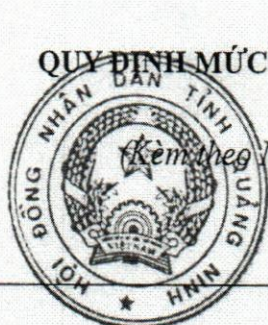
**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: GD-ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Kỳ**

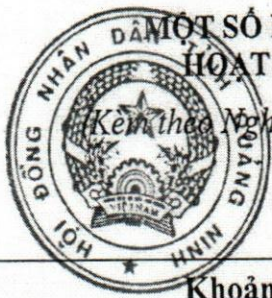


**PHỤ LỤC I**  
**QUY ĐỊNH MỨC THU TỐI ĐA MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ**  
**HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

*Kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh*

| Khoản thu                                         | Đơn vị tính     | Mức thu<br>tối đa<br>(đồng) |
|---------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
| 1. Tổ chức bán trú tại trường                     |                 |                             |
| a) Thuê người nấu ăn                              | đồng/HS/tháng   | 110.000                     |
| b) Quản lý học sinh trong giờ bán trú             | đồng/HS/tháng   | 140.000                     |
| c) Tiền ăn                                        | đồng/HS/ngày    | 30.000                      |
| d) Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú       | đồng/HS/năm     | 50.000                      |
| 2. Nước uống                                      |                 |                             |
| a) Học 01 buổi/ngày                               | đồng/HS/tháng   | 10.000                      |
| b) Học 02 buổi/ngày                               | đồng/HS/tháng   | 15.000                      |
| 3. Học thêm tại trường (ngoài giờ học chính thức) |                 |                             |
| a) Các môn văn hóa (trừ mầm non, tiểu học)        | đồng/HS/giờ dạy | 10.000                      |
| b) Tin học (tự chọn)                              | đồng/HS/giờ dạy | 12.000                      |
| c) Ngoại ngữ (tự chọn)                            | đồng/HS/giờ dạy | 10.000                      |
| d) Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy          | đồng/HS/giờ dạy | 30.000                      |
| 4. Trông giữ phương tiện tham gia giao thông      |                 |                             |
| a) Xe đạp                                         | đồng/xe/tháng   | 30.000                      |
| b) Xe đạp điện, xe máy điện                       | đồng/xe/tháng   | 50.000                      |

## PHỤ LỤC II



**MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ  
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN**

*Kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh*

| Khoản thu                                                                                                                                      | Mức thu                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1. Giáo dục mầm non ngoài giờ qui định                                                                                                         |                              |
| a) Đón sớm, trả muộn                                                                                                                           | Theo thỏa thuận              |
| b) Ngày thứ Bảy                                                                                                                                | Theo thỏa thuận              |
| c) Trong thời gian nghỉ hè                                                                                                                     | Theo thỏa thuận              |
| 2. Hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày<br>(giáo dục kỹ năng sống, giáo dục phát triển<br>năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao ...) | Theo Kế hoạch được phê duyệt |
| 3. Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học                                                                                                   | Theo thực tế                 |
| 4. Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường                                                                                                      | Theo Kế hoạch được phê duyệt |
| 5. Chi phí sử dụng dịch vụ điện tử quản lý học<br>sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học<br>thông minh.                                 | Theo Đề án được phê duyệt    |

*Trần Văn*